

Số: 133/QĐ-MNDT

Hùng Châu, ngày 08 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu để phục vụ ăn bán trú cho Trường Mầm non Diễn Trường, năm học 2026-2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON DIỄN TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Bộ phận Kế toán về việc phê duyệt kế hoạch số: 131/KH-MNDT ngày 08 /08/2026 về kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu để phục vụ ăn bán trú cho Trường Mầm non Diễn Trường, năm học 2026-2027 (Từ ngày 08/9/2026 đến ngày 31/5/2027).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Cung cấp thực phẩm, ga phục vụ ăn bán trú cho Trường Mầm non Diễn Trường với nội dung chi tiết (theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Trường Mầm non Diễn Trường có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số lượng, khối lượng các công việc đối với gói thầu; đảm bảo tính



đúng, tính đủ, tiết kiệm, hiệu quả đầu tư và đúng các văn bản quy định hiện hành.

Điều 3. Bộ phận chuyên môn phụ trách công tác bán trú, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu KT

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Lệ Thủy



PHỤ LỤC

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu để phục vụ ăn bán trú cho Trường Mầm non Diễn Trường, năm học 2026-2027 (Kèm theo Quyết định số: 133/QĐ-MNDT ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng trường MN Diễn Trường)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Trường Mầm non Diễn Trường	Cung cấp thịt bò	Cung cấp thực phẩm, chất đốt, chất tẩy rửa phục vụ ăn bán trú cho trường MN Diễn Trường	134.400.000 VNĐ	Nguồn thu dịch vụ tiền ăn học sinh bán trú	Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại NĐ số: 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025 của Chính phủ	Lựa chọn nhà thầu	7 ngày	Tháng 8/2026	Đơn giá điều chỉnh	Năm học: 2025-2026 (Từ ngày 5/9/2025 đến 31/05/2027)	Không	Không đề xuất
2		Cung cấp thịt lợn		283.500.000 VNĐ									
3		Cung cấp thịt gà ta		177.625.000 VNĐ									
4		Cung cấp trứng gà		47.250.000 VNĐ									
5		Cung cấp tôm sống		207.900.000 VNĐ									
6		Cung cấp cá thu, nghêu biển		12.060.000 VNĐ									
7		Cung cấp rau, củ, quả		131.646.200 VNĐ									
8		Cung cấp gạo tẻ, gạo nếp, đậu, lạc, miến phở khô, bột nếp		141.875.000 VNĐ									
9		Cung cấp sữa chua		90.475.000 VNĐ									
10		Cung cấp sữa Yakult		76.393.800 VNĐ									
11		Cung cấp gia vị, đồ khô		104.825.000 VNĐ									
12		Cung cấp chất đốt, chất tẩy rửa		106.050.000 VNĐ									
Tổng giá trị các gói thầu: 1.645.000.000 VNĐ, Bằng chữ: (Một tỷ, sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng)													



**BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ MUA LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM, NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU PHỤC VỤ
BÁN TRÚ NĂM HỌC 2026-2027**

(Kèm theo kế hoạch số 131/KH-MNDT ngày 08/08/2026 của Trường Mầm non Diễn Trướng)

STT	* Danh mục hàng hóa	* Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	* Đơn vị tính	* Khối lượng 1 tuần	* Khối lượng tính 35 tuần	Đơn giá	Thành tiền (VND)	* Thời gian thực hiện gói thầu	Ghi chú
1	Thịt bò loại I	Thịt bò loại I	Kg	16	560	240.000	134.400.000	9 tháng	
2	Thịt lợn mỡ	Mỡ lợn bì	Kg	60	2100	135.000	283.500.000	9 tháng	
3	Trứng gà	Trứng gà	Kg	18	630	75.000	47.250.000	9 tháng	
4	Trứng vịt	Trứng vịt	Kg	8	280	75.000	21.000.000	9 tháng	
5	Tôm biển	Tôm tươi, sống, Size 32-34 con/kg	Kg	27	945	220.000	207.900.000	9 tháng	
6	Cá thu	Cá thu nướng bỏ đầu, đuôi	Kg	15	525	220.000	115.500.000	9 tháng	
7	Nghêu	Tươi, sống	Kg	12	420	18.000	7.560.000	9 tháng	
8	Thịt gà ta	Gà thịt bỏ chân, làm sạch ruột	Kg	35	1225	145.000	177.625.000	9 tháng	
9	Cam	Cam chín, tươi ngon không dập nát	Kg	5	175	30.000	5.250.000	9 tháng	
10	Thanh long	Thanh long chín, tươi ngon không dập nát	Kg	20	700	35.000	24.500.000	9 tháng	
11	Chuối tiêu	Chuối chín, tươi ngon không dập nát	Quả	470	16450	1.500	24.675.000	9 tháng	
12	Rau củ quả các loại	Rau củ tươi ngon, không có dư lượng thuốc bảo quản	1000 đồng	1500	52500	1.000	52.721.200	9 tháng	



13	Đậu phụ	An toàn, mềm mịn	Kg	10	350	50.000	17.500.000	9 tháng	
14	Hành củ	Hành củ ta khô	Kg	3	105	35.000	3.675.000	9 tháng	
15	Tỏi	Tỏi ta khô	Kg	2	70	35.000	2.450.000	9 tháng	
16	Gừng	Tươi, vàng	Kg	1	35	25.000	875.000	9 tháng	
17	Miến Phở	Miến phở làm thủ công	Kg	12	420	60.000	25.200.000	9 tháng	
18	Gạo tẻ	Gạo tẻ Hương long	Kg	140	4900	14.000	68.600.000	9 tháng	
19	Gạo nếp	Gạo nếp tẻ	Kg	15	525	20.000	10.500.000	9 tháng	
20	Đậu xanh	Đậu xanh bỏ vỏ	Kg	6	210	45.000	9.450.000	9 tháng	
21	Lạc	Lạc bóc tay bỏ vỏ	Kg	7	245	75.000	18.375.000	9 tháng	
22	Bột gạo nếp	Bột gạo nếp xay mịn, ko nấm mốc	Kg	10	350	25.000	8.750.000	9 tháng	
23	Sữa chua	Hộp 100g có đường	Hộp	470	16450	5.500	90.475.000	9 tháng	
24	Sữa Yakon	Sữa công nghệ Nhật bản	Hộp	470	16450	4.644	76.393.800	9 tháng	
25	Bánh gạo A oăn	Bánh gạo	Cái	470	16450	1.200	19.740.000	9 tháng	
26	Sữa ông thọ	Sữa đặc hộp giấy Ông thọ	Lít	2	70	75.000	5.250.000	9 tháng	
27	Dầu ăn 5L	Dầu ăn Menzan 5Lit	Kg	20	700	66.000	46.200.000	9 tháng	
28	Nước mắm	Nước mắm cá cơm	Kg	5	175	70.000	12.250.000	9 tháng	
29	Bột canh	Loại 150g/gói	Kg	25	875	4.200	3.675.000	9 tháng	
30	Hạt nêm Aji-ngon	Loại 2kg/gói	Kg	5	175	60.000	10.500.000	9 tháng	
31	Bột ngọt (Mì chính)	Loại 2kg/gói	Kg	2,5	87,5	70.000	6.125.000	9 tháng	
32	Đường kính	Loại 1kg/gói	Kg	1	35	31.000	1.085.000	9 tháng	
33	Ga công nghiệp	Loại 45 kg/bình	Bình	1,5	52,5	1.800.000	94.500.000	9 tháng	
34	Chất tẩy rửa (dầu rửa bát)	Can 10lit, chế phẩm sinh học an toàn	Can	1,5	52,5	220000	11.550.000	9 tháng	
		TỔNG DỰ TOÁN					1.645.000.000		

